TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Trung Hoàn

2. Ông Cà Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2021/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thế Tr** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 4 năm 1974 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã Mão Đ, huyện Thuận Th, tỉnh Bắc N; nơi tạm trú: Bản Mường Luân 1, xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ lưu trú; Trnh độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1946; vợ Nguyễn Thị B, sinh năm 1976 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 22/12/2020 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Lò Thị X**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Bản Pá Nậm, xã Chiềng S, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ đầu năm 2018 đến ngày 09/01/2020 Nguyễn Thế Tr đã nhiều lần cho chị Lò Thị X, sinh năm 1986, trú tại Bản Pá Nậm, xã Chiềng S, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên vay tiền và có tính tiền lãi, trong thời gian vay chị Lò Thị X đã nhiều lần trả tiền gốc và tiền lãi cho Nguyễn Thế Tr. Tính đến ngày 09/01/2020 chị Lò Thị X còn nợ của Nguyễn Thế Tr tổng số tiền gốc là 50.000.000đ, đến ngày 15/12/2020 Nguyễn Thế Tr và chị Lò Thị X có biên bản viết tay thống nhất chốt nợ đến ngày 09/01/2020 Chị Lò Thị X nợ Nguyễn Thế Tr số tiền 50.000.000đ. Trong thời gian 327 ngày, kể từ 09/01/2020 đến ngày 30/11/2020 tiền lãi là 45.000.000đ. Đến ngày 17/12/2020 chị Lò Thị X đã trả đủ cho Nguyễn Thế Tr số tiền lãi là 45.000.000đ, còn nợ lại 50.000.000đ tiền gốc. Việc cho vay tiền và trả lãi như trên tương đương với lãi suất 100,458%/năm, cao gấp 5,022 lần mức lãi suất cao nhất của khoản tiền vay 50.000.000đ, việc cho vay với mức lãi suất cao như trên Nguyễn Thế Tr đã thu lợi bất chính 36.041.096đ.

- Khi khám xét và trong giai đoạn điều tra đã thu giữ:

+ 02 tờ giấy có dòng kẻ ngang, trên có chữ viết tay nội dung thể hiện chốt nợ, tính lãi và giao nhận tiền có chữ ký, họ tên của Lò Thị X, Nguyễn Thế Tr, do Lò Thị X giao nộp.

+ 01 giấy tờ có dòng kẻ ngang, một mặt có chữ viết tay nội dung vay nợ giữa Lò Thị X với Nguyễn Thế Tr: Chốt nợ ngày 09/01/2020 nợ 50 triệu tiền gốc, ngày 17/12/2020 trả lãi từ ngày 09/01/2020 đến ngày 30/11/2020 là 45 triệu đồng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Thế Tr.

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành 45.000.000đ.

+ 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số 97040507844228442, mang tên Nguyễn Thế Tr.

+ 01 chiếc điện thoại VSMART màn hình cảm ứng vỏ màu xanh số IMEI1: 353442110545065, số IMEI2: 353442110545073, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại SAMSUNG màn hình cảm ứng có vỏ màu đen, số IMEI1: 356416118755709, số IMEI2:356417118755707, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại SAMSUNG màn hình cảm ứng có vỏ màu xanh, số IMEI1: 353248116704949, số IMEI2: 353249116704947, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ Các đồ vật, tài liệu, tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Thế Tr ngày 17/12/2020 (Có bàng kê kèm theo).

Tại bản Kết luận giám định số 25/GĐ-PC09 ngày 22/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

1. Chữ viết trên mẫu cần giám định cụ thể như sau:

- Dòng chữ có nội dung ghi: "Ngày 12/12/2020…" đến dòng chữ có nội dung ghi: "Lò Thị X", ký hiệu A1.

- Dòng chữ có nội dung ghi: "Ngày 12/12/2020…" đến dòng chữ có nội dung ghi: "Lò Thị X", dòng chữ có nội dung ghi: "Ngày 17/12/2020…" đến dòng có nội dung ghi: "Lò Thị X ở mặt trước, ký hiệu A3.

Với chữ viết đứng tên Lò Thị X trên mẫu so sánh, ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết trên mẫu cần giám định cụ thể như sau:

- Dòng chữ có nội dung ghi: "Nguyễn Thế Tr…" đến dòng chữ có nội dung ghi: "Gốc còn lại 50.000.000 Năm mươi:", ký hiệu A1.

- Dòng chữ có nội dung ghi: "Tr đã nhận đủ 45.000.000…" đến dòng chữ có nội dung ghi: "Nguyễn Thế Tr:", ký hiệu A2.

- Dòng chữ có nội dung ghi: "Nguyễn Thế Tr" ở mặt trước, dòng chữ có nội dung ghi: "Ngày 17,12,2020…" đến dòng chữ có nội dung ghi: "Nguyễn Thế Tr ở mặt sau:", ký hiệu A3.

Với chữ viết đứng tên Nguyễn Thế Tr trên mẫu so sánh, ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra.

3. Chữ ký trên các mẫu giám định, đứng tên Lò Thị X, ký hiệu A1, A3 với chữ ký đứng tên Lò Thị X trên mẫu so sánh, ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

4. Chữ ký trên các mẫu giám định, đứng tên Nguyễn Thế Tr, ký hiệu A1, A2, A3 với chữ ký đứng tên Nguyễn Thế Tr trên mẫu so sánh, ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra.

Quá Trnh điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đông đã ra quyết định xử lý số 03/QĐ ngày 17/02/2021 trả lại 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số 97040507844228442, mang tên Nguyễn Thế Tr và các đồ vật, tài liệu, tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Thế Tr ngày 17/12/2020 cho bị cáo. Trả lại cho Vì Thị Kh, sinh năm 1987, nơi cư trú: Bản Giới A, xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên 01 điện thoại SAMSUNG màn hình cảm ứng có vỏ màu xanh, số IMEI1: 353248116704949, số IMEI2: 353249116704947, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Tất cả những vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-ĐBĐ ngày 17/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông đã truy tố bị cáo Nguyễn Thế Tr về tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên

tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan trong vụ án, phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế Tr phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 201; Điểm b, Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ Luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Thế Tr từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 06 ngày đã tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, miễn áp dụng quy định khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thế Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000đ là phương tiện bị cáo phạm tội; Tịch thu ngân sách Nhà nước 8.958.904đ là số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo Nguyễn Thế Tr đã thu của chị Lò Thị X. Đối với số tiền 36.041.096đ là số tiền bị cáo Nguyễn Thế Tr đã thu lợi bất chính với lãi suất cao gấp 5,022 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Đề nghị trả lại cho người vay tiền là chị Lò Thị X, sinh năm 1986, trú tại Bản Pá Nậm, xã Chiềng S, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, màu đen là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Thế Tr thấy rằng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thế Tr đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ ngày 09/01/2020 đến ngày 31/11/2020 Nguyễn Thế Tr đã có hành vi cho chị Lò Thị X, sinh năm 1986, trú tại Bản Pá Nậm, xã Chiềng S, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên vay tổng số tiền là 50.000.000đ và có tính lãi với tổng số tiền lãi phải trả là 45.000.000đ, chị Lò Thị X đã trả đủ cho Nguyễn Thế Tr số tiền lãi là 45.000.000đ tương đương với lãi suất 100,458%/năm, cao gấp 5,022 lần mức lãi suất cao nhất của khoản tiền vay 50.000.000đ và đã thu lợi bất chính 36.041.096đ.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự được phép là 20%/năm. Như vậy, mức lãi suất

mà Nguyễn Thế Tr lấy của chị Lò Thị X là (100,458%/năm) đã vượt quá 5,022 lần của mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi thu lợi từ việc Nguyễn Thế Tr cho vay vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 36.041.096đ. Do vậy, hành vi cho vay lãi suất cao của Nguyễn Thế Tr đã phạm vào tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 201 của Bộ Luật hình sự.

Tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: 1. *"Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất quy tđịnh trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".*

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[2]. Quá Trnh điều tra và phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên chị Lò Thị X Trnh bày: Do cần tiền làm nhà và sử dụng vào việc sinh hoạt gia đình, cho nên vào thời gian từ năm 2018 đến năm 2019 chị có nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Thế Tr và đã nhiều lần trả tiền gốc và tiền lãi. Cho đến ngày 15 tháng 12 năm 2020, Nguyễn Thế Tr đến nhà chị và cùng viết giấy chốt số tiền nợ tính đến ngày 09/01/2020 chị Lò Thị X nợ anh Nguyễn Thế Tr với số tiền gốc là 50.000.000đ và tính lãi từ ngày 09/01/2020 đến ngày 30/11/2020 với số tiền lãi là 45.000.000đ, cho đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 17/12/2020 chị Lò Thị X cầm số tiền lãi 45.000.000đ đến nhà Nguyễn Thế Tr để trả và hai bên đã viết giấy biên nhận tiền, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị X, đề nghị HĐXX, buộc bị cáo Nguyễn Thế Tr trả lại cho chị số tiền 36.041.096đ thu lợi bất chính của chị và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã Mão Đ, huyện Thuận Th, tỉnh Bắc N, học hết lớp 8/12 rồi ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 1994 xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị B và có 04 con. Bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, lấy việc cho vay lãi nặng để thu lợi cho bản thân mà bất chấp các quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bị cáo Nguyễn Thế Tr không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ; Bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá Trnh điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo giao nộp số tiền 45.000.000đ có được từ việc phạm tội. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, Điểm i, Điểm s, Khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự. Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi tạm trú rõ ràng. Bị cáo phạm tội với tội danh có khung hình phạt cao nhất là cải tạo không giam giữ nên áp dụng

hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để cải tạo đối với bị cáo cũng như cảnh báo, răn đe đối với người khác. Về việc áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo thực hiện cải tạo không giam giữ, do bị cáo công việc không ổn định, không có thu nhập thường xuyên nên không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá Trnh điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người không có việc làm ổn định, gia đình khó khăn nên không có khả năng thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điểm a, Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, Điểm b Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC, ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về xử lý khoản tiền gốc (khoản tiền cho vay) và tiền lãi trong tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*:

[6.1]. Đối với khoản tiền lãi 20% mà bị cáo nhận từ người vay tương ứng với số tiền 8.958.904đ đây là số tiền có được lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2]. Đối với số tiền gốc 50.000.000đ Nguyễn Thế Tr cho chị Lò Thị X vay nhưng chị X chưa trả cho bị cáo, về nguyên tắc, chị Lò Thị X phải trả cho bị cáo theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm. Bởi vậy, không buộc chị X phải trả lại số tiền đó cho bị cáo mà truy thu số tiền đó từ chị Lò Thị X để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.3]. Về tiền thu lợi bất chính: Trả lại cho chị Lò Thị X, sinh năm 1986, trú tại bản Pá Nậm, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông số tiền 36.041.096đ. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[6.4]. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung, màu đen là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[6.5]. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bởi vì, bản chất đây là số tiền thu lời bất chính, không phải tiền bồi thường dân sự.

[8] Các vấn đề khác:

Trong giai đoạn điều tra cơ quan CSĐT Công an đã thu giữ một số tài liệu, giấy tờ có liên quan đến việc bị cáo cho nhiều người khác cùng vay tiền. Tuy nhiên, qua các tài liệu thu thập được cùng lời khai của bị cáo, lời khai của những người vay tiền thể hiện tại các lần cho vay bị cáo không lấy lãi suất hoặc có lấy lãi suất nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội*: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* nên không đề cập đến việc xử lý đối với bị cáo. HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 201; Điểm b, Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thế Tr** phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế Tr** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ do đã tạm giữ 06 (sáu) ngày (bị tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 22/12/2020), nên bị cáo còn phải tiếp tục thi hành 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho UBND xã Mường L, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Mường Luân trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án.

3. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điểm a, Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, Điểm b Khoản 2; Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.958.904đ *(tám triệu, chín trăm năm tám nghìn, chín trăm linh bốn đồng)* đây là số tiền bị cáo Nguyễn Thế Tr có được lãi phát sinh từ hành vi phạm tội.

+ Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)* từ chị Lò Thị X, sinh năm 1986, nơi cư trú: Bản Pá Nậm, xã Chiềng S, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên (Đây là số tiền bị cáo Nguyễn Thế Tr cho Lò Thị X vay, chị Xiến chưa trả).

+ Trả lại cho chị Lò Thị X, sinh năm 1986, trú tại bản Pá Nậm, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông số tiền 36.041.096 *(ba sáu triệu, không trăm bốn mốt nghìn, không trăm chín sáu đồng)*. (Đây là số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Thế Tr). Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung, màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Vật chứng đã được niêm phong và bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên Đông theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 19/3/2021 giữa cơ quan Công an huyện Điện Biên Đông và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Điện Biên Đông.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không.

5. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thế Tr phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo**: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2021).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Giang

Nơi nhận:
- VKSND huyện Điện Biên Đông;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan điều tra; Cơ quan THAHS huyện ĐBĐ;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐBĐ;
- Phòng NVHS CA huyện ĐBĐ;
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Chi cục THADS huyện ĐBĐ;
- UBND xã Mường Luân;
- Lưu hồ sơ vụ án.